



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU
BƯU ĐIỆN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2014	12 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014	14 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vật liệu Bưu điện là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy Vật liệu Bưu điện theo Quyết định số 328/QĐ-BBCVT ngày 07 tháng 5 năm 2004 của Bộ Bưu chính Viễn thông nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010300682645 ngày 04 tháng 01 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi do thay đổi vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế: **50.000.000.000 VND**

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông là nhà nước - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông	24.900.000.000	49,8
Cổ đông khác	25.100.000.000	50,2
Cộng	50.000.000.000	100,0

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

Điện thoại : 04 3878 0451

Fax : 04 3878 0023

E-mail : info@pmc.vn

Mã số thuế : 0 1 0 0 6 8 2 6 4 5

Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động viễn thông có dây (Chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Hoạt động viễn thông không dây (Chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Sản xuất các loại cáp, dây thông tin và vật liệu chuyên ngành bưu chính viễn thông;
- Sản xuất các sản phẩm dân dụng;
- Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành bưu chính viễn thông./.

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tiên Sơn	Khu công nghiệp Tiên Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯY ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 34).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đinh Minh Sơn	Chủ tịch	10 tháng 05 năm 2011	
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	10 tháng 05 năm 2011	14 tháng 11 năm 2014
Ông Tô Chí Thành	Ủy viên	14 tháng 11 năm 2014	
Ông Trần Hậu Thành	Ủy viên	25 tháng 05 năm 2013	
Ông Bùi Hồng Ánh	Ủy viên	27 tháng 11 năm 2004	14 tháng 11 năm 2014
Ông Nguyễn Đình Thảo	Ủy viên	10 tháng 05 năm 2011	14 tháng 11 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Thành	Trưởng ban	10 tháng 05 năm 2010	
Bà Đỗ Thị Lan Anh	Thành viên	10 tháng 05 năm 2010	
Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp	Thành viên	25 tháng 5 năm 2013	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Giám đốc	02 tháng 02 năm 2005	04 tháng 6 năm 2014
Ông Tô Chí Thành	Giám đốc	04 tháng 6 năm 2014	
Ông Bùi Hồng Ánh	Phó Giám đốc	02 tháng 02 năm 2005	01 tháng 02 năm 2014

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Bưu Điện tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Tô Chí Thành

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

449
CHI
CỔ
PH
M TÔI
▲
TẠI
Đ.



Số: 98/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vật liệu Bưu điện, được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

15
NHÀ
TỔNG
KIỂM
TOÁN
& C
HÀ N

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Bưu Điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0368-2013-008-1
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Kiểm toán viên

A blue handwritten signature in cursive script.

Trần Kim Anh

Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 1907-2013-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯƠ ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		71.784.955.133	51.421.681.798
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.724.840.737	5.864.464.790
1. Tiền	111		3.724.840.737	5.864.464.790
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.713.497.666	19.626.262.997
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	41.858.268.519	21.779.271.645
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	15.276.200	6.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	287.733.723	65.941.462
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(3.447.780.776)	(2.224.950.110)
IV. Hàng tồn kho	140		26.411.429.259	25.352.526.446
1. Hàng tồn kho	141	V.6	27.777.655.090	26.667.343.158
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(1.366.225.831)	(1.314.816.712)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.935.187.471	578.427.565
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	319.408.229	88.370.022
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		634.487.460	209.190.352
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	3.366.335	2.926.335
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	1.977.925.447	277.940.856

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.280.134.320	45.520.207.734
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		42.095.935.522	45.012.095.259
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	36.240.403.906	38.990.616.024
<i>Nguyên giá</i>	222		133.125.107.127	134.416.722.121
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(96.884.703.221)	(95.426.106.097)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	5.855.531.616	6.021.479.235
<i>Nguyên giá</i>	228		6.876.452.379	6.876.452.379
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.020.920.763)	(854.973.144)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		184.198.798	508.112.475
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	184.198.798	508.112.475
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		114.065.089.453	96.941.889.532

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		41.807.765.251	11.684.722.177
I. Nợ ngắn hạn	310		41.807.765.251	11.684.722.177
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	9.968.118.015	400.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.15	26.575.293.378	6.386.790.114
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	20.000.000	205.715.470
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	11.399.597	211.710.272
5. Phải trả người lao động	315		1.685.540.588	1.326.766.566
6. Chi phí phải trả	316	V.18	98.173.390	44.140.333
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	3.376.253.656	3.017.162.795
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	72.986.627	92.436.627
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.257.324.202	85.257.167.355
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	72.257.324.202	85.257.167.355
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.000.000.000	24.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.902.426.198	5.902.426.198
4. Cổ phiếu quỹ	414		(888.000.000)	(888.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		44.653.843.558	44.653.843.558
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.138.792.891	3.138.792.891
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(54.549.738.445)	(41.549.895.292)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		114.065.089.453	96.941.889.532

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		258,11	50,23
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Trịnh Văn Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Mai

Lập ngày 16 tháng 3 năm 2015

Giám đốc



Tô Chí Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	80.569.821.258	64.200.400.953
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	9.078.300	119.780.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		80.560.742.958	64.080.620.953
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	81.225.679.005	63.884.836.093
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(664.936.047)	195.784.860
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	38.238.539	30.623.019
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	442.203.329	718.750.608
Trong đó: chi phí lãi vay	23		181.099.082	525.980.407
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.942.463.050	2.025.803.794
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.117.959.327	5.379.941.031
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.129.323.214)	(7.898.087.554)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	338.369.943	90.184.550
12. Chi phí khác	32	VI.8	208.889.882	88.353.352
13. Lợi nhuận khác	40		129.480.061	1.831.198
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.999.843.153)	(7.896.256.356)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.999.843.153)	(7.896.256.356)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(2.632)	(1.598)

Người lập biểu

Trịnh Văn Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Mai

Lập ngày 16 tháng 3 năm 2015

Giám đốc



Tô Chí Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯƠ ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(12.999.843.153)	(7.896.256.356)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.542.029.010	5.443.116.793
- Các khoản dự phòng	03	1.274.239.785	166.975.437
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	120.923.473	6.124.868
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(170.000.500)	-
- Chi phí lãi vay	06	181.099.082	525.980.407
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(8.051.552.303)	(1.754.058.851)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(20.738.664.000)	7.061.431.891
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.110.311.932)	993.207.049
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	20.457.747.119	(1.713.580.374)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	92.875.470	(191.203.677)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(181.157.601)	(562.808.561)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(2.926.335)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.201.209.092	37.655.395
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.919.683.206)	(152.382.817)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.249.537.361)	3.715.333.720
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(625.869.273)	(502.288.266)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	170.000.500	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(455.868.773)	(502.288.266)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên - huyện Gia Lâm - thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.890.729.187	9.420.577.164
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.322.611.172)	(16.170.572.042)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.400.000)	(8.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<u>9.565.718.015</u>	<u>(6.757.994.878)</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	(2.139.688.119)	(3.544.949.424)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60 V.1	5.864.464.790	9.409.348.557
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	64.066	65.657
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70 V.1	<u>3.724.840.737</u>	<u>5.864.464.790</u>

Người lập biểu

Trịnh Văn Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Mai

Lập ngày 16 tháng 3 năm 2015

Giám đốc



Tô Chí Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất các loại cáp, dây thông tin và vật liệu chuyên ngành Bưu chính viễn thông.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 84 nhân viên đang làm việc (tại 31 tháng 12 năm 2013 là 101 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành thông tư sau:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Các quy định của thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CHỈ
CÓ
HÀ
NỘI
TỔ
A
T
E

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	7 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

Một số tài sản cố định là máy bọc vỏ cáp quang được khấu hao theo phương pháp sản lượng

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (50 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.392 VND/USD

31/12/2013 : 21.085 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tài sản tài chính của Công ty là các khoản phải thu.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯỞ ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chủ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	63.755.597	26.959.496
Tiền gửi ngân hàng	3.661.085.140	5.837.505.294
Cộng	<u>3.724.840.737</u>	<u>5.864.464.790</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bưu điện các tỉnh	4.081.334.470	4.740.113.820
Công ty Điện thoại, điện báo trong ngành	8.859.124.315	11.088.407.605
Các Công ty ngoài ngành	28.917.809.734	5.950.750.220
Cộng	<u>41.858.268.519</u>	<u>21.779.271.645</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Vietsky	1.815.000	
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại Điện tử	8.100.000	
Trung tâm Điện toán và Truyền số liệu Khu vực I (VDC)	5.361.200	
Công ty Cổ phần Mecovina		6.000.000
Cộng	<u>15.276.200</u>	<u>6.000.000</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền BHXH, BHYT, BHTN của CBCNV	34.476.542	39.441.462
Trả trước tiền thưởng theo các quyết định thưởng của Tổng công ty Bưu chính Viễn thông	35.100.000	26.500.000
Phải thu do vay vật tư	98.936.671	
Tiền án phí	119.220.510	
Cộng	<u>287.733.723</u>	<u>65.941.462</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.224.950.110	1.914.811.870
Trích lập dự phòng bổ sung	1.222.830.666	310.138.240
Số cuối năm	<u>3.447.780.776</u>	<u>2.224.950.110</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	17.520.428.813	12.590.125.347
Công cụ, dụng cụ	109.798.868	117.909.362
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.361.724.294	9.056.793.988
Thành phẩm	3.661.899.270	4.890.292.644
Hàng hóa	123.803.845	7.068.597
Hàng gửi đi bán		5.153.220
Cộng	<u>27.777.655.090</u>	<u>26.667.343.158</u>

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.290.199.399	1.238.790.280
Công cụ, dụng cụ	836.175	836.175
Thành phẩm	75.190.257	75.190.257
Cộng	<u>1.366.225.831</u>	<u>1.314.816.712</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.314.816.712	1.457.979.515
Trích lập dự phòng bổ sung	51.409.119	
Hoàn nhập dự phòng		(143.162.803)
Số cuối năm	<u>1.366.225.831</u>	<u>1.314.816.712</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	266.141.041	10.127.272
Chi phí sửa chữa xe	1.000.812	13.324.750
Chi phí hiệu chỉnh thiết bị đo		30.250.000
Chi phí thẩm định TSCĐ để thanh lý	46.668.000	34.668.000
Chi phí bảo trì trạm biến áp	5.598.376	
Cộng	<u>319.408.229</u>	<u>88.370.022</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	440.000	
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2.926.335	2.926.335
Cộng	<u>3.366.335</u>	<u>2.926.335</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	198.060.794	195.199.237
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.779.864.653	82.741.619
Cộng	<u>1.977.925.447</u>	<u>277.940.856</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯƠ ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	18.272.634.088	111.057.223.526	3.006.356.871	2.080.507.636	134.416.722.121
Tăng trong năm do mua sắm mới		316.482.000	309.387.273		625.869.273
Giảm trong năm		(1.671.142.400)		(246.341.867)	(1.917.484.267)
<i>Giảm do Thanh lý</i>		<i>(1.671.142.400)</i>			<i>(1.671.142.400)</i>
<i>Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ theo TT45/2013/TT-BTC</i>				<i>(246.341.867)</i>	<i>(246.341.867)</i>
Số cuối năm	18.272.634.088	109.702.563.126	3.315.744.144	1.834.165.769	133.125.107.127
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.007.285.583	40.659.935.935	2.124.034.167	1.605.426.269	55.396.681.954
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	13.221.039.921	77.298.281.211	2.959.530.707	1.947.254.258	95.426.106.097
Tăng trong năm do khấu hao	461.358.229	2.818.047.404	44.813.552	51.862.206	3.376.081.391
Giảm trong năm		(1.671.142.400)		(246.341.867)	(1.917.484.267)
<i>Giảm do Thanh lý</i>		<i>(1.671.142.400)</i>			<i>(1.671.142.400)</i>
<i>Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ theo TT 45/2013/TT-BTC</i>				<i>(246.341.867)</i>	
Số cuối năm	13.682.398.150	78.445.186.215	3.004.344.259	1.752.774.597	96.884.703.221
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.051.594.167	33.758.942.315	46.826.164	133.253.378	38.990.616.024
Số cuối năm	4.590.235.938	31.257.376.911	311.399.885	81.391.172	36.240.403.906

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.803.852.379	72.600.000	6.876.452.379
Số cuối năm	6.803.852.379	72.600.000	6.876.452.379
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		72.600.000	72.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên -- huyện Gia Lâm -- thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	782.373.144	72.600.000	854.973.144
Tăng khấu hao trong năm	165.947.619		165.947.619
Số cuối năm	948.320.763	72.600.000	1.020.920.763
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.021.479.235		6.021.479.235
Số cuối năm	5.855.531.616		5.855.531.616

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ	164.296.126	28.090.909	126.550.899	65.836.136
Chi phí sửa chữa tài sản	316.857.262	29.800.000	237.280.963	109.376.299
Phí khảo sát, đo lập lưới chuyên và bản đồ xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ	26.959.087		17.972.724	8.986.363
Cộng	508.112.475	57.890.909	381.804.586	184.198.798

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.568.118.015	
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ</i>	<i>9.568.118.015</i>	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	400.000.000	400.000.000
<i>Vay ngắn hạn quỹ Công Đoàn Công ty</i>	<i>400.000.000</i>	<i>400.000.000</i>
Cộng	9.968.118.015	400.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		15.890.729.187	6.322.611.172	9.568.118.015
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	400.000.000			400.000.000
Cộng	400.000.000	15.890.729.187	6.322.611.172	9.968.118.015

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả trong nước	9.253.977.485	3.776.121.911
Phải trả nước ngoài	17.321.315.893	2.610.668.203
Cộng	26.575.293.378	6.386.790.114

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯY ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Nguyễn Thị Yến		120.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông		56.443.200
Các đối tượng khác	20.000.000	29.272.270
Cộng	20.000.000	205.715.470

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	211.710.272	703.408.047	915.558.319	(440.000)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		4.021.886.688	4.021.886.688	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.926.335)			(2.926.335)
Thuế thu nhập cá nhân		55.569.471	44.169.874	11.399.597
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		357.804.413	357.804.413	
Các loại thuế khác		4.160.000	4.160.000	
Cộng	208.783.937	5.142.828.619	5.343.579.294	8.033.262

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9). Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế phải nộp	11.399.597	211.710.272
Thuế TNDN, GTGT nộp thừa	(3.366.335)	(2.926.335)
Cộng	8.033.262	208.783.937

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.999.843.153)	(7.896.256.356)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	43.042.582	614.555.277
- Các khoản điều chỉnh tăng	43.042.582	614.555.277
Các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ	43.042.582	614.555.277
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Tổng thu nhập chịu thuế	(12.956.800.571)	(7.281.701.079)
Thu nhập được miễn thuế		
Thu nhập tính thuế	(12.956.800.571)	(7.281.701.079)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông		
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền ăn giữa ca	67.055.847	30.855.000
Chi phí lãi vay	10.674.814	10.733.333
Điện thoại	6.222.729	
Hỗ trợ đi lại	8.415.000	2.552.000
Phụ cấp độc hại	5.805.000	
Cộng	<u>98.173.390</u>	<u>44.140.333</u>

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	40.744.500	34.502.304
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000	15.000.000
Tiền vật tư, hàng hóa tạm mượn	349.076.207	1.783.571.823
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	37.412.800	39.812.800
Kinh phí thực hiện đề tài khoa học phải trả	825.935.000	825.935.000
Tiền trợ cấp mất việc làm còn phải trả	1.193.173.000	303.705.250
Chi hỗ trợ bán hàng	899.179.441	
Các khoản phải trả khác	15.732.708	14.635.618
Cộng	<u>3.376.253.656</u>	<u>3.017.162.795</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	92.436.627	173.436.627
Chi quỹ	(19.450.000)	(81.000.000)
Số cuối năm	<u>72.986.627</u>	<u>92.436.627</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	50.000.000.000	24.000.000.000	5.902.426.198	(888.000.000)	44.653.843.558	3.138.792.891	(33.653.638.936)	93.153.423.711
Lợi nhuận trong năm trước							(7.896.256.356)	(7.896.256.356)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	24.000.000.000	5.902.426.198	(888.000.000)	44.653.843.558	3.138.792.891	(41.549.895.292)	85.257.167.355
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	24.000.000.000	5.902.426.198	(888.000.000)	44.653.843.558	3.138.792.891	(41.549.895.292)	85.257.167.355
Lợi nhuận trong năm nay							(12.999.843.153)	(12.999.843.153)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	24.000.000.000	5.902.426.198	(888.000.000)	44.653.843.558	3.138.792.891	(54.549.738.445)	72.257.324.202

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	24.900.000.000	24.900.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	25.100.000.000	25.100.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	24.000.000.000	24.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	(888.000.000)	(888.000.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	5.902.426.198	5.902.426.198
Cộng	79.014.426.198	79.014.426.198

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯY ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	60.000	60.000
- Cổ phiếu phổ thông	60.000	60.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.940.000	4.940.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.940.000	4.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	80.569.821.258	64.200.400.953
- Doanh thu bán hàng hóa	1.854.339.740	2.423.908.800
- Doanh thu bán thành phẩm	78.715.481.518	61.735.492.153
- Doanh thu gia công		41.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu:	9.078.300	119.780.000
- Giảm giá hàng bán	9.078.300	108.800.000
- Hàng bán bị trả lại		10.980.000
Doanh thu thuần	<u>80.560.742.958</u>	<u>64.080.620.953</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.854.339.740	2.423.908.800
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	78.706.403.218	61.615.712.153
- Doanh thu thuần gia công		41.000.000

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.790.974.020	2.056.339.690
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽¹⁾	79.383.295.866	61.932.342.339
Giá vốn gia công		39.316.867
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	51.409.119	(143.162.803)
Cộng	<u>81.225.679.005</u>	<u>63.884.836.093</u>

⁽¹⁾ Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	64.649.289.321	44.930.641.949
Chi nhân công trực tiếp	4.922.057.616	3.656.911.568
Chi phí sản xuất chung	6.009.622.275	9.425.413.781

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng chi phí sản xuất	75.580.969.212	58.012.967.298
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.695.069.694	(2.811.774.756)
Tổng giá thành sản xuất	78.276.038.906	60.824.742.054
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	1.107.256.960	(1.146.917.152)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	79.383.295.866	61.971.659.206
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	38.238.539	30.388.607
Lãi tiền ký quỹ		234.412
Cộng	38.238.539	30.623.019
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	181.099.082	525.980.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	120.923.473	6.124.868
Lãi chậm trả		79.626.225
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	140.180.774	107.019.108
Cộng	442.203.329	718.750.608
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	522.081.318	539.787.505
Chi phí vật liệu, bao bì	45.967.290	35.732.092
Chi phí CCDC dở dùng	16.721.387	
Chi phí khấu hao TSCĐ		533.664
Chi phí bảo hành	120.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	485.086.932	446.402.034
Chi phí bằng tiền khác	1.872.486.123	1.003.348.499
Cộng	2.942.463.050	2.025.803.794
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.359.987.450	1.871.335.972
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	92.581.710	19.701.232
Chi phí đồ dùng văn phòng	259.299.168	120.759.795
Chi phí khấu hao	379.143.760	359.818.957
Thuế, phí và lệ phí	389.949.645	312.678.454
Chi phí dự phòng	1.222.830.666	310.138.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	885.235.433	690.047.050
Chi phí bằng tiền khác	3.528.931.495	1.695.461.331
Cộng	9.117.959.327	5.379.941.031

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập bán phế liệu thu hồi	114.940.900	90.122.500
Thu tiền từ thanh lý tài sản	170.000.500	
Thu nhập khác	53.428.543	62.050
Cộng	<u>338.369.943</u>	<u>90.184.550</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị phế liệu thu hồi để bán	67.841.900	52.357.500
Lãi chậm nộp BHXH	1.068.768	11.362.738
Xử lý công nợ	98.005.400	892.132
Xuất hàng ứng cho Vĩnh Phúc	41.765.124	18.224.800
Phạt vi chậm nộp thuế	208.690	5.516.182
Cộng	<u>208.889.882</u>	<u>88.353.352</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.999.843.153)	(7.896.256.356)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(12.999.843.153)	(7.896.256.356)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.940.000	4.940.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(2.632)</u>	<u>(1.598)</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.940.000	4.940.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.940.000	4.940.000

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.787.838.321	45.634.835.529
Chi phí nhân công	7.804.126.384	7.391.975.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.542.029.010	5.443.116.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.261.059.390	2.523.200.301
Chi phí khác	7.246.338.484	4.425.584.042
Cộng	<u>87.641.391.589</u>	<u>65.418.712.123</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	515.867.102	470.053.801

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông	Công ty mẹ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền thưởng	35.100.000	26.500.000

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản trương đương tiền	3.724.840.737				3.724.840.737
Phải thu khách hàng	31.143.130.964			10.715.137.555	41.858.268.519
Các khoản phải thu khác	1.814.964.653				1.814.964.653
Cộng	36.682.936.354			10.715.137.555	47.398.073.909
Số đầu năm					
Tiền và các khoản trương đương tiền	5.864.464.790				5.864.464.790
Phải thu khách hàng	19.074.345.025			2.704.926.620	21.779.271.645
Các khoản phải thu khác	109.241.619				109.241.619
Cộng	25.048.051.434			2.704.926.620	27.752.978.054

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	9.968.118.015			9.968.118.015
Phải trả người bán	26.575.293.378			26.575.293.378
Các khoản phải trả khác	1.891.433.339			1.891.433.339
Cộng	38.434.844.732			38.434.844.732

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯY ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Vay và nợ	400.000.000			400.000.000
Phải trả người bán	6.386.790.114			6.386.790.114
Các khoản phải trả khác	939.523.751			939.523.751
Cộng	7.726.313.865			7.726.313.865

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	258,11	50,23
Phải trả người bán	(809.709,98)	(123.810,50)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(809.451,87)	(123.760,27)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

giảm/tăng 270.126.393 VND (năm trước giảm/tăng 39.142.280 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.661.085.140		5.837.505.294	
Vay và nợ	9.968.118.015		400.000.000	
Tài sản thuần	13.629.203.155		6.237.505.294	

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản cho vay và vay có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Giá trị tài sản tài chính cầm cố tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 241.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 482.741.619 VND).

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.724.840.737		5.864.464.790		3.724.840.737	5.864.464.790
Phải thu khách hàng	41.858.268.519	(3.447.780.776)	21.779.271.645	(2.224.950.110)	38.410.487.743	19.554.321.535
Các khoản phải thu khác	1.814.964.653		109.241.619		1.814.964.653	109.241.619
Cộng	47.398.073.909	(3.447.780.776)	27.752.978.054	(2.224.950.110)	43.950.293.133	25.528.027.944

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Xã Yên Viên – huyện Gia Lâm – thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	9.968.118.015	400.000.000	9.968.118.015	400.000.000
Phải trả người bán	26.575.293.378	6.386.790.114	26.575.293.378	6.386.790.114
Các khoản phải trả khác	1.891.433.339	939.523.751	1.891.433.339	939.523.751
Cộng	38.434.844.732	7.726.313.865	38.434.844.732	7.726.313.865

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Hà nội, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Trịnh Văn Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Mai

Giám đốc



Tô Chí Thành



